

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 229/2022/TLST- DS ngày 02 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hà Xuân C, sinh năm 1991.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tập thể Đoàn x, tổ x, phường PD, quận BTL, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thiều H, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn LG, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1992; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tập thể Đoàn x, tổ x, phường PD, quận BTL, thành phố Hà Nội.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Do thực hiện Hợp đồng đặt cọc ngày 16/02/2022 và các thỏa thuận đầu tư chung nhưng không lập thành văn bản anh Hà Xuân C đã nhiều lần chuyển khoản tiền cho chị Nguyễn Thị Thiệu H và sau đó chị H cũng đã nhiều lần chuyển khoản trả lại cho anh C một phần số tiền thỏa thuận đầu tư chung do anh C không muốn tiếp tục đầu tư. Việc đặt cọc chuyển nhượng đất và thỏa thuận đầu tư chung giữa anh C với chị H được thực hiện giữa anh C và chị H không liên quan đến chồng chị H nên chị H chịu trách nhiệm giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan đến các thỏa thuận trên với anh C.

Tính đến ngày 28/02/2023, tổng số tiền mà anh Hà Xuân C đã chuyển cho chị Nguyễn Thị Thiệu H để đặt cọc và đầu tư chung còn lại là: 404.000.000 đồng (Bốn trăm lẻ tư triệu đồng).

Anh Hà Xuân C tự nguyện không yêu cầu tính phạt cọc đối với số tiền 100.000.000 đồng anh đã đặt cọc để nhận chuyển nhượng đất theo Hợp đồng đặt cọc ngày 16/02/2022 giữa anh và chị H.

Chị H tự nguyện thanh toán cho anh Hà Xuân C số tiền lãi của số tiền anh C đã chuyển cho chị để đầu tư chung là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Do vậy, tổng số tiền mà chị Nguyễn Thị Thiệu H phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Hà Xuân C là: 454.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi tư triệu đồng). Các đương sự thống nhất xác nhận tính đến ngày 17/3/2023, chị Nguyễn Thị Thiệu H đã thanh toán cho anh Hà Xuân C số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nên số tiền còn lại 354.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tư triệu đồng) chị H phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Hà Xuân C chậm nhất vào ngày 04/4/2023. Nếu sau ngày 04/4/2023 mà chị Nguyễn Thị Thiệu H không trả anh C số tiền trên, chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn chưa thanh toán cho anh C theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thanh toán và anh Hà Xuân C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án để thu hồi toàn bộ số tiền chị Nguyễn Thị Thiệu H còn nợ của anh Hà Xuân C.

Về án phí dân sự sơ thẩm: 17.700.000 đồng (Mười bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng) nhưng do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên chỉ phải chịu $1/2 = 8.850.000$ đồng (Tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để chị

Nguyễn Thị Thiều H chịu án phí dân sự sơ thẩm như vậy chị H phải nộp 8.850.000 đồng (Tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hà Xuân C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền 12.673.000 đồng (Mười hai triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0047xxx ngày 01/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thanh